| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 17-6-2024
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đinh Trọng Hà – Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dư Thị Kiều Uyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 05/2024/ TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về: "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn***:* Anh Bùi Tùng V, sinh năm: 1987

Trú tại: Tổ dân phố 2D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *"Có mặt"*.

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị X, sinh năm: 1982

Trú tại: Tổ dân phố 3B, thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. *"Vắng mặt lần 2"*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Tùng Việt trình bày:*

Ngày 31/3/2018 anh Bùi Tùng V có cho chị Trần Thị X vay số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 31/3/2018 đến ngày 01/8/2018 có thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật. Đến ngày 25/6/2018 chị Trần Thị X tiếp tục vay thêm của anh V số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 26/6/2018 đến ngày 25/12/2018 và thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật. Tổng cộng chị X đã vay của anh V số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) nhiều lần anh V liên lạc yêu cầu chị

Xuyến trả số tiền vay trên nhưng chị X cố tình né tránh không chịu trả. Vì vậy, anh Bùi Tùng V khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị X phải trả cho anh V số tiền gốc vay của hai lần tổng cộng là 35.000.000đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)* và yêu cầu chị X trả lãi suất theo quy định pháp luật.

Qúa trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, anh Bùi Tùng V thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh V chỉ yêu cầu chị Trần Thị X phải trả cho anh V số tiền gốc vay là 35.000.000đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng) và* không yêu cầu lãi suất vay.

Bị đơn chị Trần Thị X mặc dù nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị Trần Thị X vẫn tiếp tục vắng mặt không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không hợp tác để giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành cấp tống đạt theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, do đó cần phải tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Tùng V, buộc bị đơn chị Trần Thị X phải trả cho anh Việt số tiền là 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn anh Bùi Tùng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Trần Thị X phải trả số tiền 35.000.000đ *(Ba mươi lăm lăm triệu đồng)* và yêu cầu chị X trả lãi suất dựa trên các giấy hợp đồng cho cá nhân vay tiền có chữ ký của chị Trần Thị X nên Tòa án xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định Điều 463 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu

tiền gốc vay là 35.000.000đ mà không yêu cầu tính lãi suất, đồng thời anh V cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nòa khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, do thời hiệu của hợp đồng cho vay đã hết và anh V cũng không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, anh V vẫn có quyền sở hữu đối với tài sản của mình, cụ thể là quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nên cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Điều 166 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn chị Trần Thị X cư trú tại tổ dân phố 3B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về thủ tục tố tụng: Qúa trình tố tụng giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện các phương thức tống đạt quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa cho bị đơn chị Trần Thị X. Tuy nhiên chị X không ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện và cũng không cung cấp chứng cứ cho Toà án, đồng thời không đến Tòa theo đúng thời gian triệu tập. Tại phiên tòa, chị X tiếp tục vắng mặt lần hai không lí do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Tùng V buộc bị đơn chị Trần Thị Xuyến phải trả số tiền vay là 35.000.000đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng),* Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 02 Hợp đồng cho các nhân vay tiền, thể hiện hiện số tiền vay của chị Trần Thị X trong hai đợt vay với tổng số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu) có chữ ký của chị Trần Thị X là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Tùng V buộc bị đơn chị Trần Thị X phải trả số tiền 35.000.000đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)* là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Tùng V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Tùng V là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Tùng V được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 35.000.000đồng x 5% = 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 244; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.**Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Tùng V tranh chấp kiện đòi tài sản đối với chị Trần Thị X.

Buộc chị Trần Thị X phải trả cho anh Bùi Tùng Việt số tiền là 35.000.000đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.*

**2.** Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu về lãi suất do nguyên đơn đã rút.

**3.** Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho anh Bùi Tùng V số tiền 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà anh V đã nộp tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0007876 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2024); Bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
*-TAND tỉnh Lâm Đồng;*
*-VKSND huyện Đ;*
*-Chi cục THADS huyện Đ;*
*-Các đương sự;*
*-Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**
*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Mỹ Diễm**